

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2020/HS-PT  
Ngày 11-12-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Bình

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Thiệm

Ông Đặng Minh Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Đức – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Trương Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 73/2020/TLPT-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 do có kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn H và Nguyễn Thị L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2020/HS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

*Các bị cáo kháng cáo:*

**Nguyễn Thị L**, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Hưu trí (nguyên Chủ tịch UBND xã Q); trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T (đều đã chết), có chồng là Bùi Văn X và 01 con, tiền án, tiền sự: Không; là Đảng viên, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2019, có mặt.

**Hoàng Văn H**, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số 37/52 N, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Hải H và bà Nguyễn Thị N, có vợ là Lưu Thị Thanh N và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; là Đảng viên, đã tự bỏ sinh hoạt Đảng; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 02/5/2019, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công trình đường vào thôn N, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng có chiều dài 296,37m do UBND xã Q làm chủ đầu tư và Công ty Cổ phần xây dựng và vận tải Phú Minh (nay là Công ty cổ phần Phú Minh FIC) là đơn vị thi công được hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng từ ngày 27/01/2010 có tổng mức đầu tư 977.000.000 đồng (trong đó chi phí xây dựng 843.794.000 đồng, chi khác 86.977.000 đồng, dự phòng chi 46.538.000 đồng); đầu tư bằng nguồn ngân sách xã, xin công trợ ngân sách huyện và thành phố; Hình thức quản lý dự án chủ đầu tư trực tiếp quản lý; thời gian thực hiện quý IV/2009. Trong năm 2010 chủ đầu tư đã thanh toán 03 lần cho nhà thầu thi công với số tiền là 600.000.000 đồng. Ngày 12/01/2012, trên cơ sở đề nghị của UBND xã Q và báo cáo thẩm định của phòng Tài chính – Kế hoạch, UBND huyện A ban hành Quyết định số 142/QĐ-UBND phê duyệt giá trị quyết toán công trình là 906.160.000 đồng (trong đó chi phí xây dựng 827.789.000 đồng, chi phí khác 78.371.000 đồng)

Ngày 28/8/2014, Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư lập biên bản xác định: *“Công trình đường vào thôn N, xã Q. Hạng mục: Nền, mặt đường, thoát nước không thi công hệ thống thoát nước nhưng quyết toán, thanh toán và kiến nghị giảm trừ quyết toán đối với Công ty Phú Minh 386,410 triệu đồng (giá trị xây lắp phần thoát nước 343,075 triệu đồng, cọc tre 34,540 triệu đồng, phen nĩa 8,795 triệu đồng).”*

Căn cứ Kết luận thanh tra số 11/KL-KHĐT ngày 07/11/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư, ngày 03/6/2015 UBND huyện A đã ban hành Quyết định số 1648/QĐ-UBND điều chỉnh phê duyệt quyết toán, sau khi giảm trừ 386.410.000 đồng thì giá trị công trình còn lại 519.750.000 đồng (trong đó giá trị xây lắp 441.379.000 đồng, chi phí khác 78.371.000 đồng). Số tiền phải thu hồi đối với Công ty Phú Minh là 158.621.000 đồng. Ngày 24/11/2017 Công ty Phú Minh đã nộp số tiền 158.621.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng.

Ngày 24/01/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện A tiếp nhận hồ sơ kiến nghị khởi tố của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng. Kết quả xác minh, điều tra cho thấy:

Ngày 31/12/2009, UBND huyện A ban hành các quyết định: Quyết định số 2579/QĐ-UBND phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình giao UBND xã Q làm chủ đầu tư; Quyết định số 2580/QĐ-UBND phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình; Quyết định số 2581/QĐ-UBND chỉ định đơn vị thi công công trình là Công ty Cổ phần xây dựng và vận tải Phú Minh và giao UBND xã Q ký kết hợp đồng với đơn vị thi công. Cùng ngày, UBND xã Q và Công ty Phú Minh ký hợp đồng thi công xây dựng số 51/2009/HĐXD đối với công trình “Đường vào khu dân cư thôn N, xã Q, huyện A” bao gồm các hạng mục: Nền, mặt đường, thoát nước, chiều dài L = 296,37 m.

Đến ngày 26 và 27/01/2010 chủ đầu tư và đơn vị thi công ký biên bản nghiệm thu khối lượng thi công hoàn thành và nghiệm thu công trình để đưa vào sử dụng. Ngày 28/01/2010 hai bên ký hồ sơ quyết toán xác nhận tổng giá trị khối lượng xây lắp công trình là 843.177.000 đồng (trong đó phần nền, mặt đường 500.101.979 đồng; phần thoát nước 343.075.157 đồng). Trong năm 2010, UBND xã Q đã làm thủ tục thanh toán cho nhà thầu 03 lần với tổng số tiền là 600 triệu đồng. Ngày 21/11/2011, UBND xã Q có tờ trình số 30/TTr-UBND gửi UBND huyện A, phòng Tài chính – Kế hoạch xin thẩm định, phê duyệt quyết toán công trình với giá trị đề nghị 920.417.000 đồng, trong đó chi phí xây dựng là 843.715.000 đồng. Ngày 12/01/2012, UBND huyện A ban hành Quyết định số 142/QĐ-UBND phê duyệt giá trị quyết toán công trình là 906.160.000 đồng, trong đó chi phí xây dựng là 827.789.000 đồng, chi phí khác 78.371.000 đồng, giảm so với quyết toán đề nghị 14.257.000 đồng.

Tiến hành kiểm tra và giám định tại công trình thấy: Phía đường tiếp giáp khu đất, nhà ở của dân không có hệ thống thoát nước. Bề mặt vị trí của tuyến hệ thống thoát nước theo thiết kế được phủ lớp bê tông xi măng, không có tấm đan và hồ thu nước mặt. Khi khoan 03 vị trí ngẫu nhiên theo tuyến của hệ thống thoát nước không thấy có hệ thống thoát nước mà dưới lớp bê tông xi măng là nền đất. Về hạng mục cọc tre, phen nửa do công trình sau đó đã được làm kê đá bao phủ lên phần lề đường, mái dốc giáp mương nước nên không quan sát được. Ngày 03/12/2018, Sở Xây dựng Hải Phòng có Kết luận giám định xây dựng đối với công trình “Đường vào thôn N, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng” như sau: *“Hoàn toàn không có rãnh thoát nước B400 ở bên dưới như hồ sơ thiết kế và bản vẽ hoàn công mô tả; Không đủ cơ sở xác định có thi công cọc tre, phen nửa tại chân bờ kê mương nước hay không.”*

Quá trình điều tra, Hoàng Văn H khai: Đầu năm 2009, Hợp thành lập Công ty cổ phần xây dựng và vận tải Phú Minh (viết tắt là Công ty Phú Minh) nhưng nhờ ông Lưu Quang T là bố vợ H đứng tên làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc cùng hai người khác làm cổ đông. Trên thực tế toàn bộ vốn và hoạt động của công ty là do H trực tiếp quản lý, điều hành. Ngày 07/4/2011, Công ty Phú Minh đăng ký thay đổi lần 2 đổi tên thành Công ty cổ phần Phú Minh FIC (viết tắt là PHU MINH FIC); người đại diện theo pháp luật của công ty là Hoàng Văn H, chức danh Giám đốc. Sau đó công ty tiếp tục đăng ký thay đổi một số lần nhưng Hợp vẫn là người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của công ty.

Cuối năm 2009 do nắm được có công trình đường vào thôn N, xã Q và thấy Công ty Phú Minh có khả năng thực hiện nên H đã xây dựng hồ sơ đề xuất gửi UBND xã Q. Sau khi công ty Phú Minh được chỉ định là đơn vị thi công và ký hợp đồng thi công xây dựng với chủ đầu tư là UBND xã Q do Nguyễn Thị L chủ tịch UBND xã Q là người đại diện, Hợp đã triển khai thực hiện ngay. Quá trình thi công, do vướng mắc về mặt bằng xây dựng hạng mục thoát nước nên Hợp đã trao đổi với Nguyễn Thị L cho dừng thi công hạng mục này để làm sau

và được Lan đồng ý. Sau khi thi công xong hạng mục nền, mặt đường, H đã làm hồ sơ nghiệm thu, xác nhận khối lượng thi công hoàn thành bao gồm cả hạng mục thoát nước chưa thi công để làm thủ tục quyết toán. Trước khi trình hồ sơ, H cũng đã trao đổi và được sự đồng ý của L về việc này (thời gian đầu H khai không báo cáo, trao đổi với chủ đầu tư). Theo H, mục đích của việc làm này là để bảo lưu vốn công trình nếu không sẽ bị cắt kinh phí và cắt luôn cả hạng mục thoát nước. Hồ sơ lập xong, Hợp đưa cho những người được Hợp nhờ làm dự toán thiết kế, kỹ thuật thi công ký rồi chuyển cho chủ đầu tư ký xác nhận để làm thủ tục quyết toán. Về số tiền 600.000.000 đồng đã được chủ đầu tư thanh toán cho công ty Phú Minh năm 2010, Hợp đã rút ra sử dụng thanh toán các khoản chi phí cho công trình và hoạt động của công ty.

Năm 2014 sau khi cơ quan thanh tra lập biên bản về việc công trình không thi công hạng mục thoát nước và yêu cầu giám trừ quyết toán, thu hồi số tiền đã chi trả vượt quá khối lượng xây lắp cho nhà thầu, H đã chủ động lập một số văn bản liên quan đến nội dung vi phạm (Biên bản hiện trường ghi ngày 15/01/2010, Tờ trình số 07/TTr-FIC ghi ngày 12/12/2011, văn bản số 13a/TB-UBND ghi ngày 12/12/2011 và số 17a/TB-UBND ghi ngày 15/5/2014) đưa L ký xác nhận để giải trình và xin làm tiếp nhưng không được chấp nhận.

Nguyễn Thị L khai: Khoảng cuối năm 2009, Hoàng Văn H đến gặp và đặt vấn đề với Lan về việc xin dự án thi công đường vào thôn N, xã Q. Thấy có lợi cho địa phương nên L đồng ý và nhờ H làm các thủ tục cần thiết về mặt hồ sơ. H cũng là người đại diện duy nhất của đơn vị thi công trong quá trình thực hiện dự án. Do điều kiện khó khăn về kinh phí nên địa phương không thuê tư vấn giám sát thi công mà giao nhiệm vụ cho ông Nguyễn Văn V cán bộ địa chính và ông Đinh Thế H phó Chủ tịch HĐND xã Q làm giám sát. Thời gian đầu, L khai quá trình thi công và khi làm hồ sơ nghiệm thu, quyết toán công trình, Hoàng Văn H và cán bộ giám sát của xã không báo cáo gì về khó khăn vướng mắc và hạng mục thoát nước chưa được thi công. Do bận nhiều việc nên Lan cũng không tiến hành kiểm tra, xem xét tiến độ tại công trình. Mặt khác do chủ quan, tin tưởng Hợp và cán bộ giám sát nên đã ký xác nhận vào hồ sơ nghiệm thu, quyết toán mà không hề biết công trình còn hạng mục thoát nước chưa thi công, chỉ đến khi thanh tra mới biết.

Sau khi khởi tố bị can, ngày 20/5/2019 Nguyễn Thị L thay đổi lời khai như sau: Trong quá trình triển khai thi công, cán bộ giám sát và nhà thầu có báo cáo về việc hạng mục thoát nước chưa được thi công vì sợ làm ảnh hưởng đến tường rào của dân. Sau đó H có đề xuất với L cho nợ lại khối lượng này để làm sau, đồng thời vẫn lập hồ sơ nghiệm thu, quyết toán đầy đủ theo đúng thiết kế, dự toán đã phê duyệt. Mục đích là để rút vốn nếu không sẽ bị cắt luôn cả phần kinh phí này và không được làm tiếp, sau khi cân nhắc thấy hợp lý nên L đã đồng ý. Về phía địa phương cũng không tiến hành kiểm tra, nghiệm thu thực tế tại công trình như hồ sơ thể hiện. Do đã thống nhất trước nên khi H chuyển hồ sơ nghiệm thu, quyết toán, mặc dù biết công trình còn hạng mục thoát nước

chưa thi công theo đúng hợp đồng nhưng L vẫn ký xác nhận để làm thủ tục quyết toán. Việc này là do L tự quyết định mà không trao đổi với lãnh đạo chủ chốt của xã Q và không báo cáo UBND huyện A.

Ông Nguyễn Văn V và Đinh Văn H là những người được Nguyễn Thị L giao nhiệm vụ giám sát thi công công trình nhưng không có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể. Quá trình giám sát không có sổ ghi chép nhật ký thi công, không tổ chức nghiệm thu khối lượng, hạng mục công việc hoàn thành tại công trình. Xác minh tại UBND xã Q không có văn bản giao nhiệm vụ giám sát cho ông V, ông H, không có tài liệu liên quan đến việc giải quyết vướng mắc khi thi công, sổ theo dõi hợp giao ban các ban ngành của xã thời điểm năm 2010 không còn.

Tại bản án số 37/2020/HS-ST ngày 04/8/2020, Tòa án nhân dân huyện A đã xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/8/2020 bị cáo Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo kêu oan; ngày 18/8/2020 bị cáo Hoàng Văn H có đơn kháng cáo đề nghị xin giảm nhẹ và miễn hình phạt.

Ngày 09/9/2020, bị cáo Hoàng Văn H có đơn xin rút đơn kháng cáo.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Bị cáo Nguyễn Thị L giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Bị cáo biết được hạng mục thoát nước chưa được thi công nhưng vẫn ký hồ sơ nghiệm thu toàn bộ công trình. Bị cáo biết việc này là không đúng với trình tự thủ tục nhưng vì lý do khách quan và với mục đích giữ vốn cho địa phương nên bị cáo đã thực hiện hành vi. Tuy nhiên, theo quan điểm của bị cáo thì việc làm của bị cáo mặc dù không đúng với quy định nhưng vì mục đích có lợi cho người dân và có lợi cho địa phương nên bị cáo không phạm tội. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét minh oan cho bị cáo. Bị cáo không phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” như tòa án cấp sơ thẩm tuyên.

*\* Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:*

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo Nguyễn Thị L là người có chức vụ, quyền hạn làm Chủ tịch UBND xã Q. Mặc dù biết hạng mục thoát nước chưa được thi công nhưng bị cáo vẫn ký hồ sơ để nghiệm thu quyết toán toàn bộ công trình là làm trái công vụ, trái với nhiệm vụ, quyền hạn được giao và gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 101.982.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự như cấp sơ thẩm đã kết tội bị cáo. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố

tụng hình sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Hoàng Văn H đã tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 355, Điều 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào các năm 2009 và 2010, bị cáo Nguyễn Thị L với tư cách Chủ tịch UBND xã Q là đơn vị được Ủy ban nhân dân huyện A giao làm chủ đầu tư công trình đường vào thôn N. UBND xã Q đã ký hợp đồng với Công ty Phú Minh do Hoàng Văn H là người đại diện theo pháp luật để thi công công trình đường vào thôn N với các hạng mục: Nền, mặt đường và thoát nước có tổng chiều dài là 296,37m. Trong quá trình triển khai thi công, mặc dù biết được hạng mục thoát nước chưa được thi công nhưng Nguyễn Thị L vẫn ký hồ sơ nghiệm thu, hoàn công, quyết toán toàn bộ công trình không đúng với thực tế với lý do bảo toàn vốn cho địa phương. Hồ sơ quyết toán không này đã sử dụng làm căn cứ cho 03 (Ba) lần thanh toán với số tiền 600.000.00 (Sáu trăm triệu) đồng, đã gây thiệt hại thực tế cho Nhà nước số tiền là 101.982.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã vi phạm Điều 6 Luật Ngân sách Nhà nước, vi phạm Khoản 5, Khoản 6 Điều 8, Điều 24, Điều 51, Điều 52, Điều 71 Nghị định số 60/2003 của Chính phủ ngày 06/6/2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước; vi phạm các Điều 23, 26, Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 về Quản lý chất lượng công trình xây dựng; vi phạm Điều 35 của Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

[2] Bị cáo Nguyễn Thị L là người có chức vụ, quyền hạn làm Chủ tịch UBND xã Q, đơn vị được giao làm chủ đầu tư công trình. Bị cáo đã biết hạng mục thoát nước chưa được thi công nhưng vẫn ký hồ sơ nghiệm thu, hoàn công, quyết toán toàn bộ công trình là làm trái công vụ, trái với nhiệm vụ, quyền hạn được giao gây thiệt hại thực tế cho Nhà nước số tiền là 101.982.000đ (Một trăm linh một triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn đồng). Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại Khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức gây thất thoát Ngân sách Nhà nước.

[4] Bị cáo Nguyễn Thị L có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố tại giai đoạn sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, quá trình công tác, bị cáo được tặng nhiều giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện qua các thời kỳ và Kỷ niệm chương vì sự nghiệp dân số của Bộ trưởng Bộ y tế; có đơn xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình, có bố đẻ, bố chồng là Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đầy. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị L 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại Khoản 1 Điều 356 BLHS là có cơ sở, đúng pháp luật và phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Thị L.

[6] Ngày 09/9/2020, bị cáo Hoàng Văn H có đơn xin rút đơn kháng cáo. Xét thấy việc rút kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng Hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn H.

[7] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L không được chấp nhận nên bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Hoàng Văn H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Áp dụng Khoản 1 Điều 356, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự 2015; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

2. Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 355, Điều 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Hoàng Văn H.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Hoàng Văn H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án số 37/2020/HS-ST ngày 04/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TPHP;
- VKSND huyện A;
- PV27 Công an TPHP;
- Cơ quan CSĐT huyện A;
- Cơ quan THAHS huyện A;
- TAND huyện A;
- Sở Tư pháp TP;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thanh Bình**